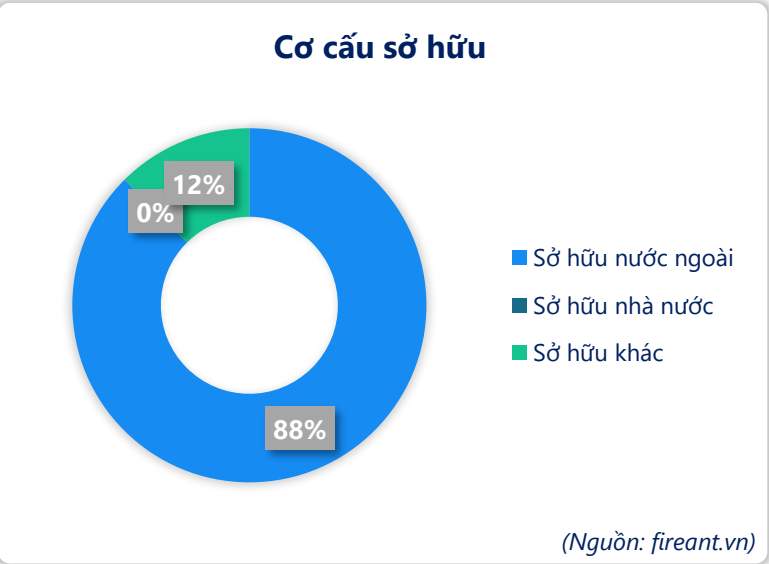
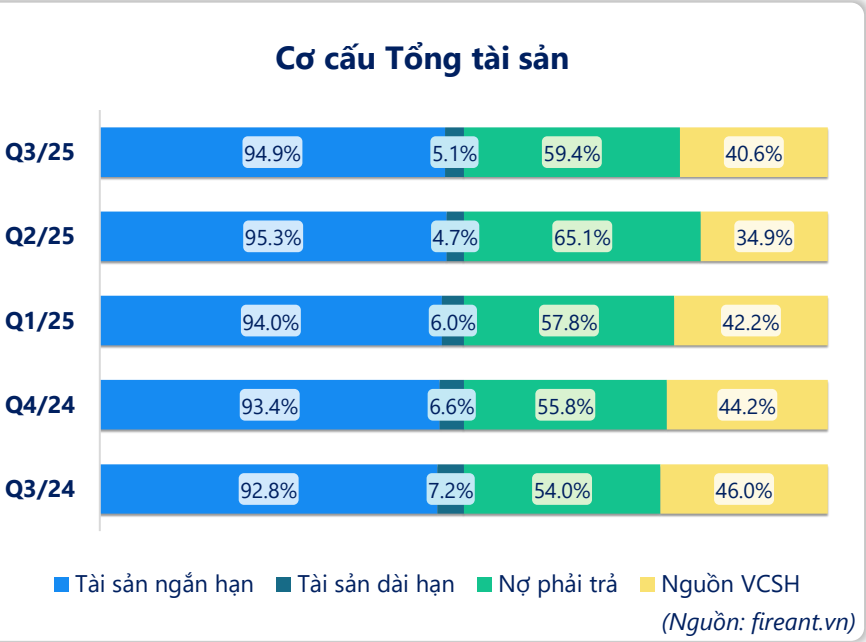
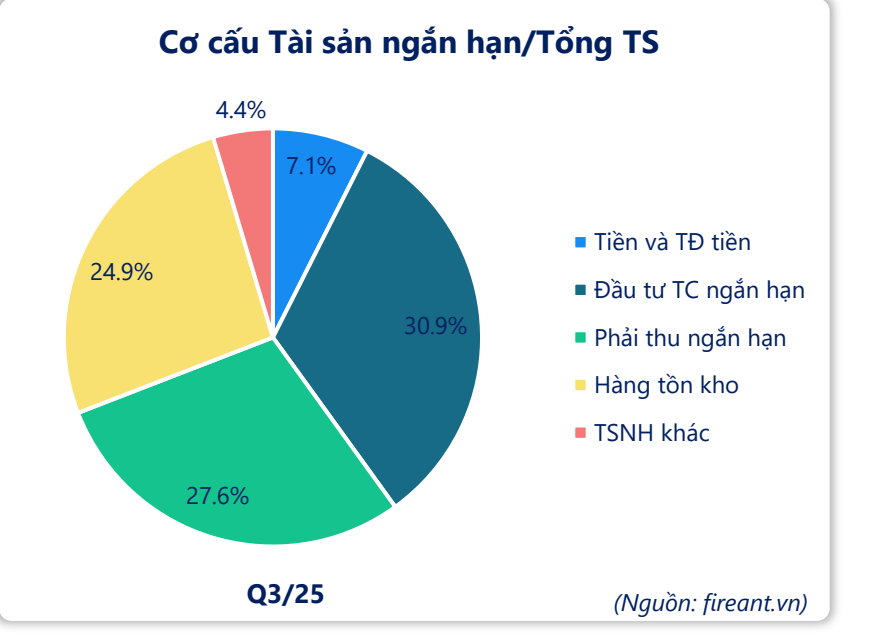
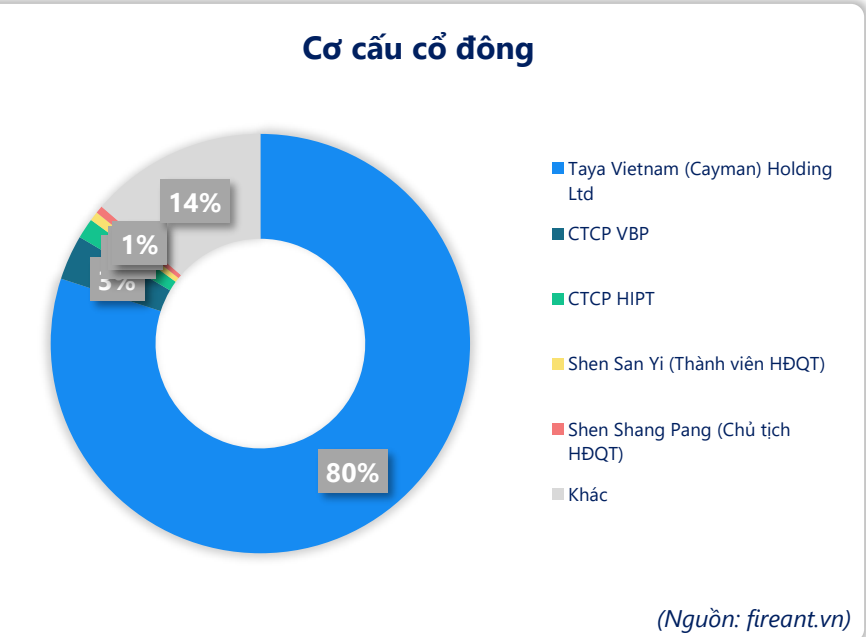
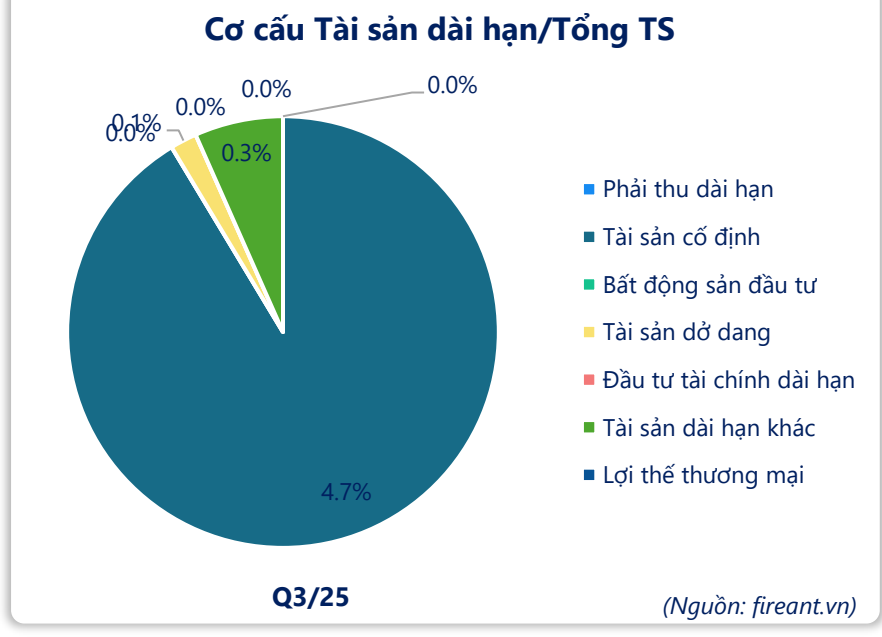
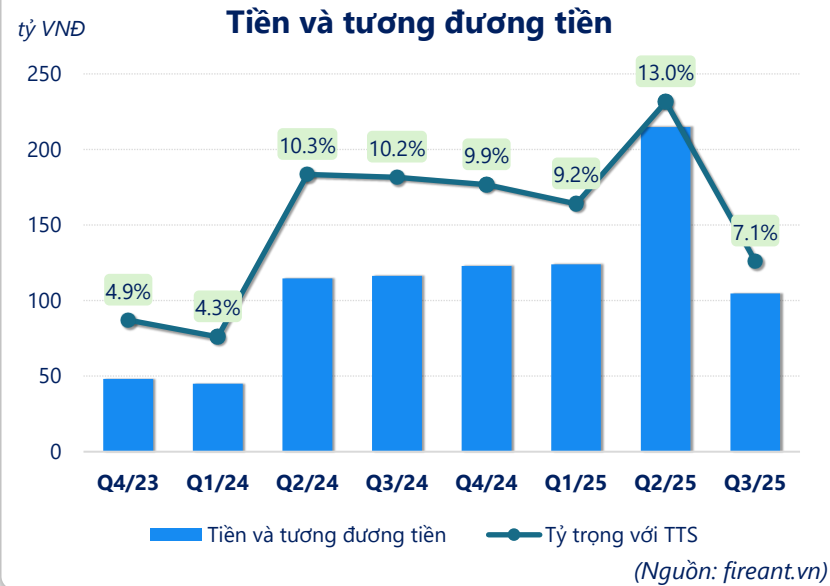
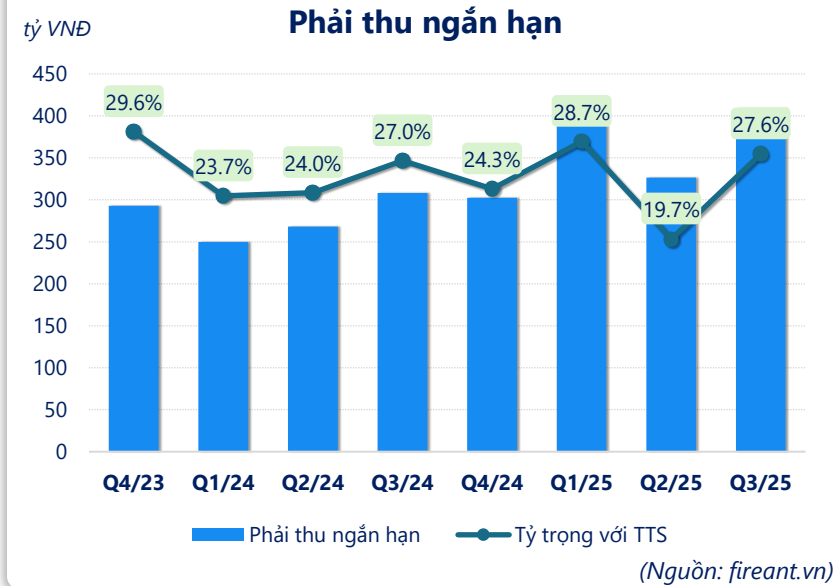
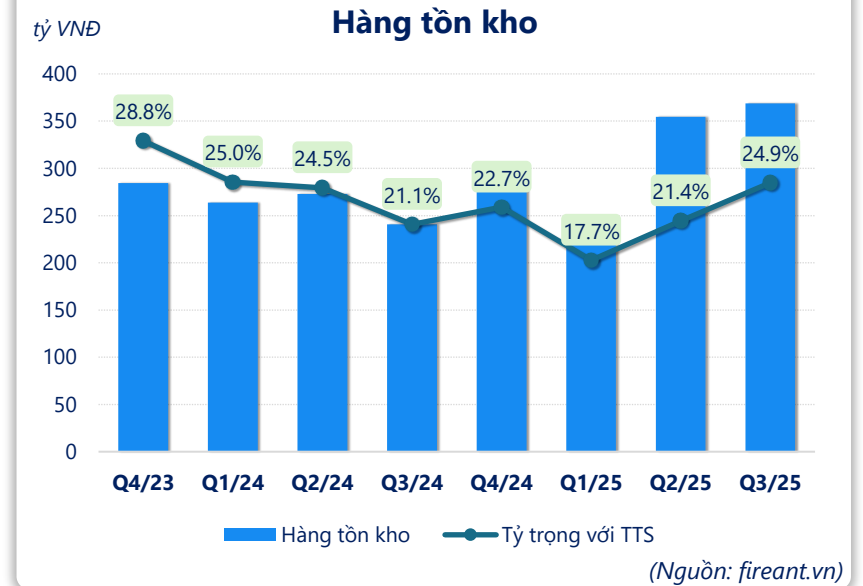
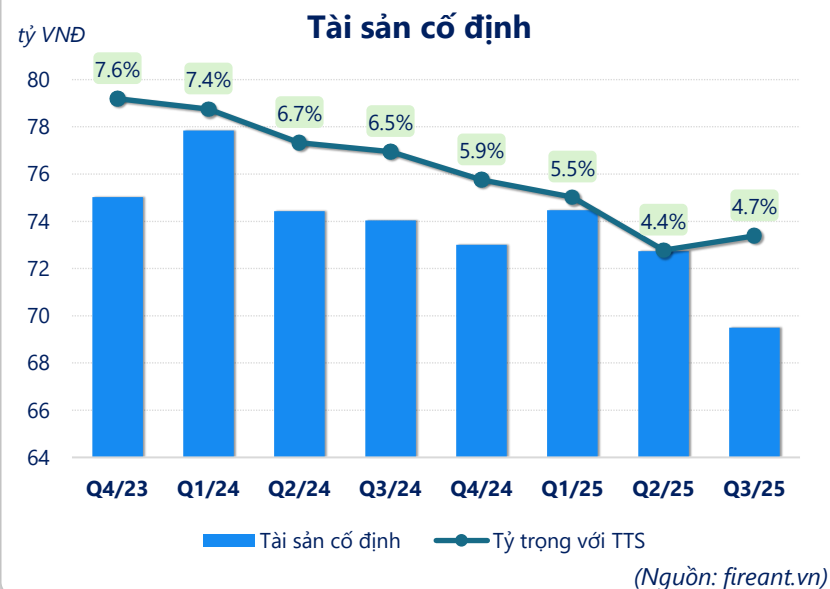
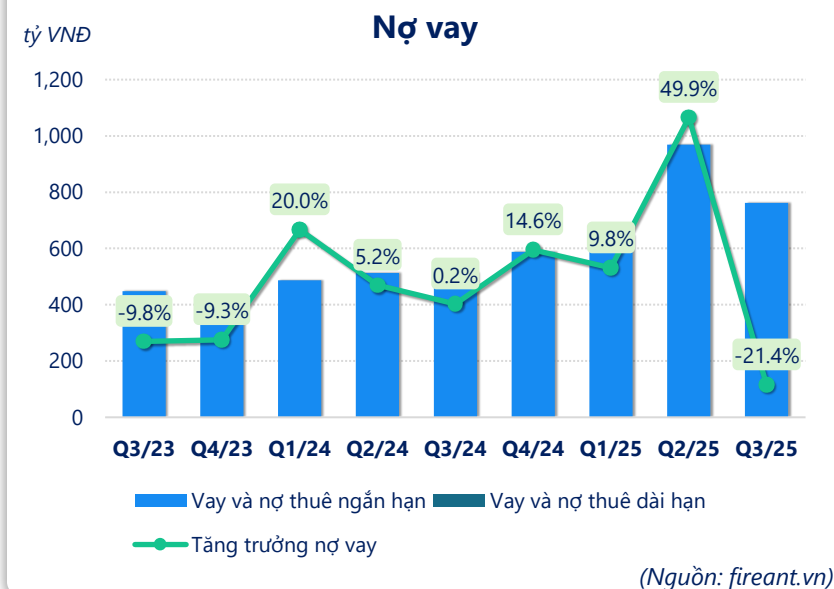
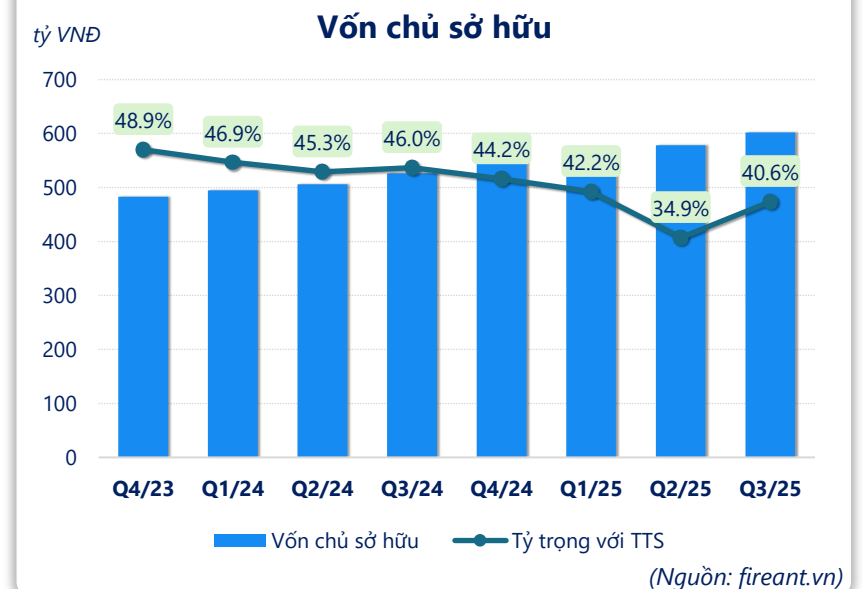
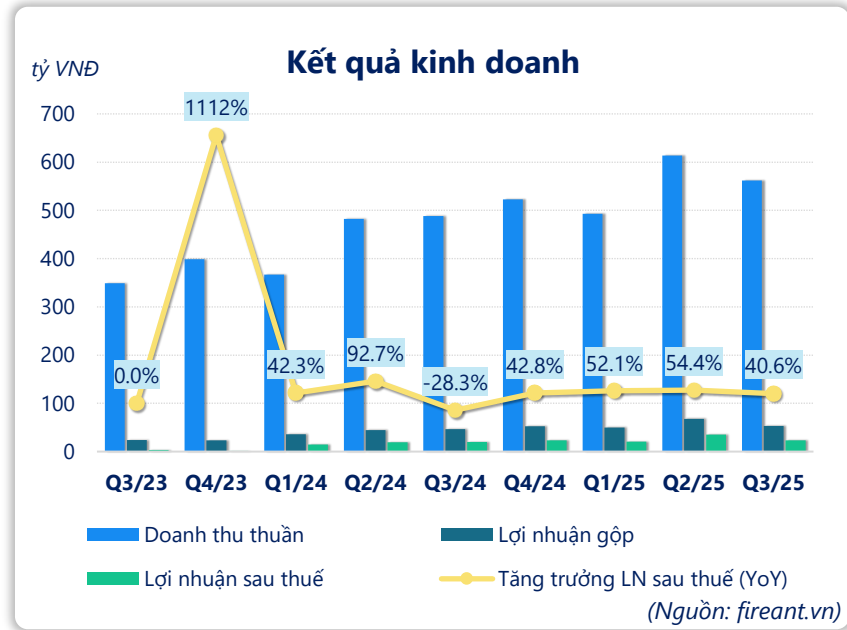
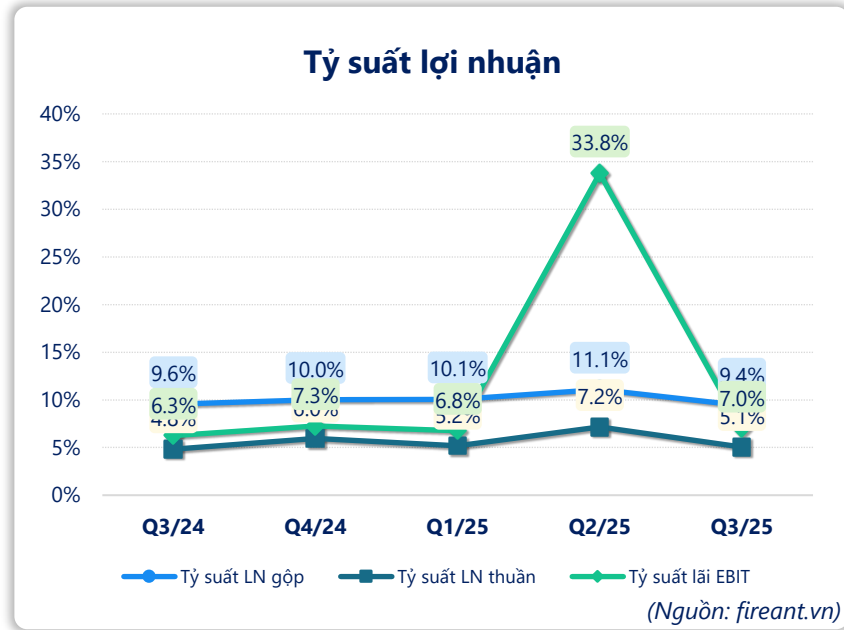
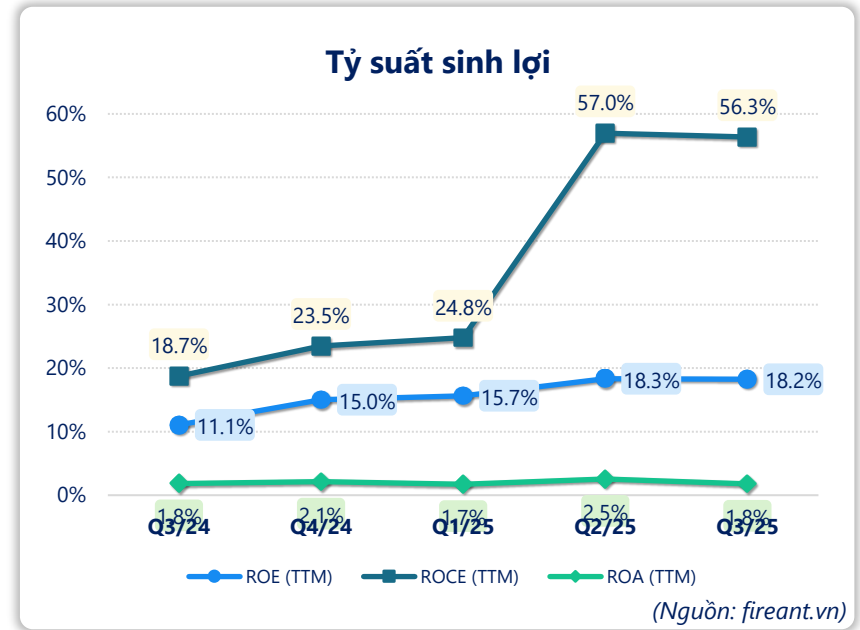
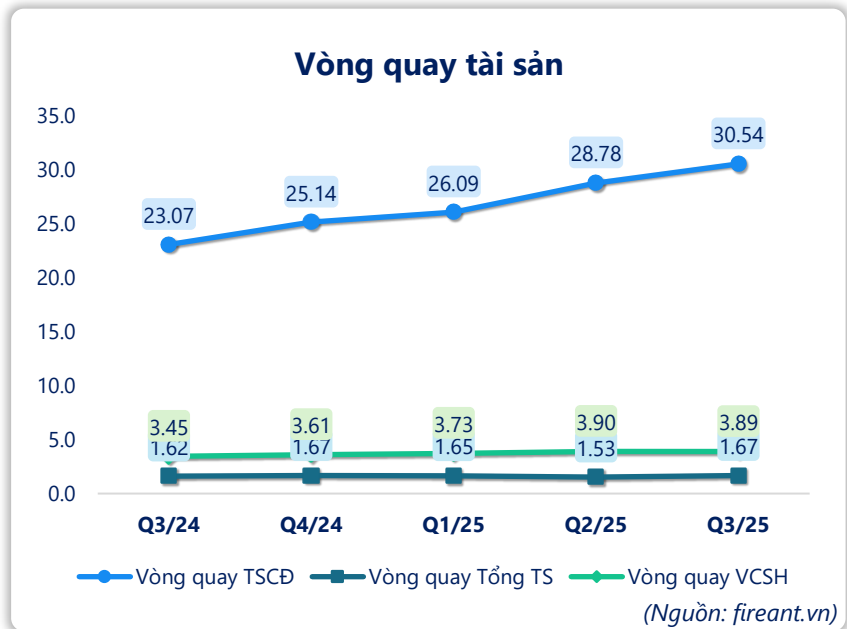
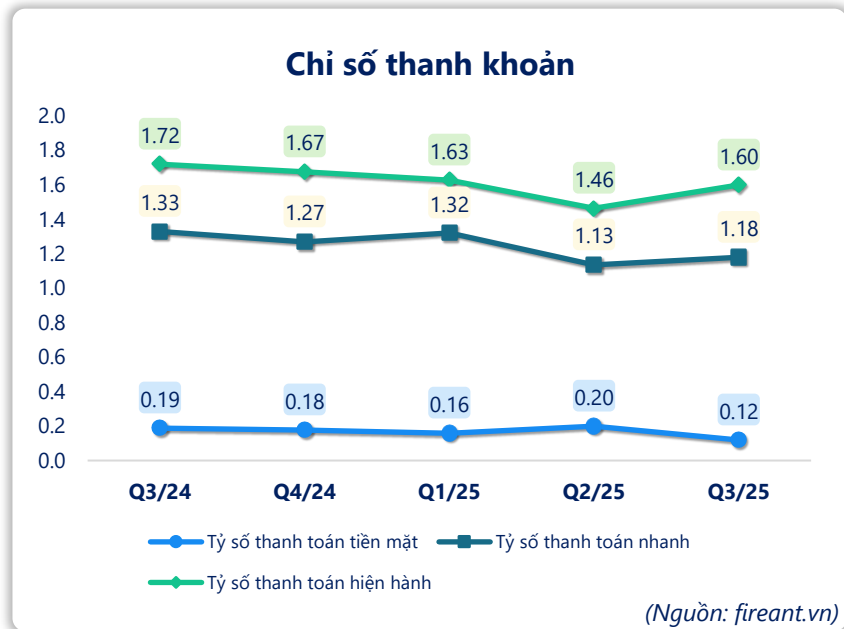
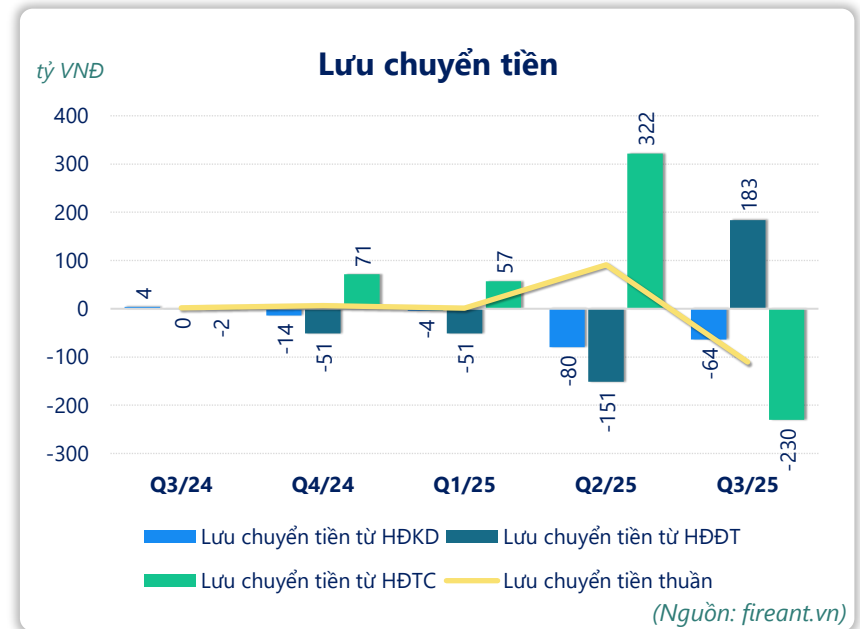


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,850
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,050
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,486
SL cổ phiếu LH		30,680,582
KLGD BQ 20 phiên (CP)		25,130
% sở hữu nước ngoài		87.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		548
P/E		5.3
EPS		3,353

	YTD	1T	3T	6T
TYA	37.8%	1.4%	23.5%	21.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,481	1,226	20.8%
Tài sản ngắn hạn	1,405	1,143	22.9%
Tiền và tương đương tiền	105	123	-14.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	458	421	8.9%
Phải thu ngắn hạn	409	286	42.9%
Hàng tồn kho	369	281	31.0%
Tài sản ngắn hạn khác	65.0	32.4	101%
Tài sản dài hạn	76.1	82.5	-7.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	69.5	73.0	-4.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.52	3.09	-50.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	5.04	6.41	-21.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	879	676	30.0%
Nợ ngắn hạn	879	676	30.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	762	589	29.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	18.8	28.5	-34.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	602	550	9.5%
Vốn chủ sở hữu	602	550	9.5%
Vốn điều lệ	307	307	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	488	523	493	614	562
Giá vốn hàng bán	441	471	443	546	509
Lợi nhuận gộp	46.7	52.3	49.6	68.0	52.9
Doanh thu HĐTC	10.6	6.81	9.31	12.7	10.1
Chi phí TC	14.3	7.78	12.1	16.4	13.4
Chi phí lãi vay	6.94	6.65	7.71	163	10.7
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	8.58	8.67	10.6	9.93	10.5
Chi phí QLDN	10.9	11.5	10.6	10.4	10.6
LN thuần từ HĐKD	23.6	31.2	25.6	44.0	28.5
Lợi nhuận khác	0.00	0.12	0.00	-0.18	0.10
LN trước thuế	23.6	31.3	25.6	43.8	28.6
Lợi nhuận sau thuế	19.8	23.6	20.7	35.3	23.2
LNST của CĐ cty mẹ	19.8	23.6	20.7	35.3	23.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.77	-13.8	-4.36	-79.7	-63.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.08	-50.9	-51.3	-151	183
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.01	71.2	56.8	322	-230
Tiền đầu kỳ	115	116	123	124	215
Lưu chuyển tiền thuần	1.68	6.58	1.16	91.0	-110
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.07	0	0	-0.08	0.08
Tiền cuối kỳ	116	123	124	215	105

(Nguồn: fireant.vn)